

Số: 136/QĐ-THPTĐS

Đức An, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp bằng tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT ĐẮK SONG

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 10/2026/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều 10, Điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành theo Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Hướng dẫn số 2990/SGDĐT-QLCL ngày 18 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế văn bằng, chứng chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-SGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng về việc chuẩn y kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-THPTĐS ngày 13 tháng 7 năm 2026 của trường THPT Đắk Song về việc ban hành Quy chế quản lý, cấp phát và sử dụng văn bằng, chứng chỉ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bằng tốt nghiệp THPT cho 420 học sinh đậu tốt nghiệp năm 2026, bao gồm 415 học sinh niên khoá 2023-2026 và 05 thí sinh tự do (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các học sinh có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (B/cáo);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Công Toàn

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-THPTDS ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng trường THPT Đắk Song)

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bằng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
1	NGUYỄN MINH AN	26/01/2008	Nam	067208002093	12A4	PT-67000605-26 00001	001/TN2026	
2	VŨ NHƯ AN	31/01/2008	Nam	067208003484	12A8	PT-67000605-26 00002	002/TN2026	
3	BÙI THỊ LAN ANH	22/10/2008	Nam	067308004566	12A9	PT-67000605-26 00003	003/TN2026	
4	ĐOÀN THỊ QUỲNH ANH	11/10/2008	Nữ	067308002894	12A6	PT-67000605-26 00004	004/TN2026	
5	HOÀNG ĐÌNH THÀNH ANH	06/07/2008	Nữ	067208006422	12A10	PT-67000605-26 00005	005/TN2026	
6	LÊ QUỲNH ANH	26/09/2008	Nam	067308007375	12A5	PT-67000605-26 00006	006/TN2026	
7	LÊ THỊ HOÀNG ANH	02/10/2008	Nữ	067308002735	12A1	PT-67000605-26 00007	007/TN2026	
8	MÃ THỊ NGỌC ANH	07/02/2008	Nữ	067308000405	12A1	PT-67000605-26 00008	008/TN2026	
9	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG ANH	08/11/2008	Nữ	067208001061	12A4	PT-67000605-26 00009	009/TN2026	
10	NGUYỄN HOÀNG HẢI ANH	09/12/2008	Nam	067308001427	12A4	PT-67000605-26 00010	010/TN2026	
11	NGUYỄN NGỌC ANH	29/08/2008	Nữ	067308006182	12A5	PT-67000605-26 00011	011/TN2026	
12	NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH	24/08/2008	Nữ	067208008554	12A9	PT-67000605-26 00012	012/TN2026	
13	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	08/09/2008	Nam	067308002666	12A1	PT-67000605-26 00013	013/TN2026	
14	NGUYỄN TRÚC ANH	08/04/2008	Nữ	067308006175	12A8	PT-67000605-26 00014	014/TN2026	
15	NGUYỄN TUẤN ANH	01/11/2008	Nữ	067208004474	12A9	PT-67000605-26 00015	015/TN2026	
16	PHẠM NGUYỄN HOÀNG ANH	14/03/2007	Nam	067207006050	TDO	PT-67000605-26 00016	016/TN2026	
17	TRIỆU THỊ VÂN ANH	23/06/2008	Nam	067308000204	12A5	PT-67000605-26 00017	017/TN2026	
18	TRẦN HÀ ANH	16/06/2008	Nữ	067308002527	12A9	PT-67000605-26 00018	018/TN2026	
19	TRẦN NGỌC ANH	15/09/2008	Nữ	067308004511	12A10	PT-67000605-26 00019	019/TN2026	
20	TRẦN NGUYỄN VIỆT ANH	26/06/2008	Nữ	042208006099	12A7	PT-67000605-26 00020	020/TN2026	
21	TRẦN THỊ TRÂM ANH	06/07/2008	Nam	036308000261	12A7	PT-67000605-26 00021	021/TN2026	
22	TRẦN TUẤN ANH	06/07/2008	Nữ	067208002806	12A1	PT-67000605-26 00022	022/TN2026	
23	TRẦN TUẤN ANH	09/12/2008	Nam	067208005196	12A8	PT-67000605-26 00023	023/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
24	TRẦN VŨ NGỌC TRÂM ANH	03/07/2008	Nam	067308004861	12A5	PT-67000605-26 00024	024/TN2026	
25	TRÌNH HÀ ANH	17/02/2008	Nữ	038308004479	12A4	PT-67000605-26 00025	025/TN2026	
26	VŨ THỊ HOÀNG ANH	10/10/2008	Nữ	067308002839	12A3	PT-67000605-26 00026	026/TN2026	
27	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	16/08/2008	Nữ	067308004908	12A4	PT-67000605-26 00027	027/TN2026	
28	VŨ THỊ THẢO ANH	28/06/2008	Nữ	067308008184	12A10	PT-67000605-26 00028	028/TN2026	
29	NGUYỄN NGUYỆT ANH	02/10/2008	Nữ	037308008777	12A5	PT-67000605-26 00029	029/TN2026	
30	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	10/03/2007	Nữ	024307005205	12A1	PT-67000605-26 00030	030/TN2026	
31	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	10/09/2008	Nữ	067308000375	12A1	PT-67000605-26 00031	031/TN2026	
32	PHẠM THỊ NGỌC ANH	17/01/2008	Nữ	067308002091	12A5	PT-67000605-26 00032	032/TN2026	
33	NGUYỄN GIA AN	01/03/2008	Nữ	067208006832	12A5	PT-67000605-26 00033	033/TN2026	
34	ĐÌNH GIA BẢO	09/02/2008	Nam	036208019875	12A10	PT-67000605-26 00034	034/TN2026	
35	LÊ HOÀI BẢO	02/12/2008	Nam	067208006409	12A2	PT-67000605-26 00035	035/TN2026	
36	NGUYỄN THẾ BẢO	04/06/2008	Nam	034208003588	12A8	PT-67000605-26 00036	036/TN2026	
37	PHẠM VĂN BẢO	08/10/2008	Nam	067208001785	12A7	PT-67000605-26 00037	037/TN2026	
38	NGUYỄN HOÀI BĂNG	04/09/2008	Nam	066308018492	12A9	PT-67000605-26 00038	038/TN2026	
39	PHAN THỊ HOÀI BĂNG	03/11/2008	Nữ	067308005999	12A6	PT-67000605-26 00039	039/TN2026	
40	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	04/03/2008	Nữ	067308004121	12A5	PT-67000605-26 00040	040/TN2026	
41	HỒ THỊ MỸ CHÂU	18/08/2008	Nữ	024308006797	12A8	PT-67000605-26 00041	041/TN2026	
42	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	27/06/2008	Nữ	067308004101	12A6	PT-67000605-26 00042	042/TN2026	
43	TRẦN THỊ KIM CHI	10/08/2008	Nữ	067308004392	12A4	PT-67000605-26 00043	043/TN2026	
44	NGUYỄN MINH CHIẾN	06/12/2008	Nữ	067208005948	12A9	PT-67000605-26 00044	044/TN2026	
45	H' CHÚC	06/01/2008	Nam	067308007345	12A9	PT-67000605-26 00045	045/TN2026	
46	VƯƠNG ĐÌNH CHUNG	09/01/2008	Nữ	067208005936	12A9	PT-67000605-26 00046	046/TN2026	
47	VŨ THỊ KIM CÚC	21/07/2008	Nam	067308006122	12A5	PT-67000605-26 00047	047/TN2026	
48	ĐOÀN CHÍ CUỒNG	29/07/2008	Nữ	067208004372	12A2	PT-67000605-26 00048	048/TN2026	
49	NGUYỄN VIỆT CUỒNG	18/11/2007	Nam	067207004232	12A8	PT-67000605-26 00049	049/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
50	HOÀNG CÔNG DANH	09/09/2008	Nam	092208005410	12A7	PT-67000605-26 00050	050/TN2026	
51	LÊ THỊ NGỌC DIỆP	10/01/2008	Nam	067308004329	12A2	PT-67000605-26 00051	051/TN2026	
52	NGUYỄN VŨ KHÁNH DIỆP	19/12/2008	Nữ	067308003708	12A2	PT-67000605-26 00052	052/TN2026	
53	ĐOÀN THỊ HUỲNH DIỆU	13/05/2008	Nữ	067308003516	12A7	PT-67000605-26 00053	053/TN2026	
54	NGUYỄN THỊ DIỆU	06/07/2008	Nữ	067308003477	12A6	PT-67000605-26 00054	054/TN2026	
55	H' DOEL	16/07/2007	Nữ	067307008277	12A5	PT-67000605-26 00055	055/TN2026	
56	CHU SỸ MẠNH DỪNG	09/06/2007	Nữ	034207018408	TDO	PT-67000605-26 00056	056/TN2026	
57	NGUYỄN TIẾN DỪNG	27/06/2008	Nam	067208006168	12A4	PT-67000605-26 00057	057/TN2026	
58	NGUYỄN TRẦN TÂN DỪNG	14/12/2008	Nam	067208002336	12A6	PT-67000605-26 00058	058/TN2026	
59	PHAN QUỐC DỪNG	30/07/2008	Nam	042208006682	12A2	PT-67000605-26 00059	059/TN2026	
60	BÀN ĐỨC DUY	13/01/2008	Nam	075208018481	12A4	PT-67000605-26 00060	060/TN2026	
61	LÊ ĐÌNH DUY	19/09/2007	Nam	066207018396	TDO	PT-67000605-26 00061	061/TN2026	
62	PHẠM KHÁNH DUY	23/09/2008	Nam	067208006879	12A4	PT-67000605-26 00062	062/TN2026	
63	NGUYỄN THÙY DUYÊN	20/12/2007	Nam	0673070033505	12A5	PT-67000605-26 00063	063/TN2026	
64	NGUYỄN VŨ THỊ MỸ DUYÊN	18/03/2008	Nữ	070308008758	12A2	PT-67000605-26 00064	064/TN2026	
65	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	17/05/2008	Nữ	067308005430	12A1	PT-67000605-26 00065	065/TN2026	
66	ĐỖ THỊ THÙY DƯƠNG	29/01/2008	Nữ	067308003002	12A7	PT-67000605-26 00066	066/TN2026	
67	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	10/11/2008	Nữ	067208002012	12A9	PT-67000605-26 00067	067/TN2026	
68	HOÀNG THỆ ĐAN	24/10/2008	Nam	067208005244	12A6	PT-67000605-26 00068	068/TN2026	
69	LÊ HOÀNG BẢO ĐAN	29/11/2008	Nam	030308000936	12A5	PT-67000605-26 00069	069/TN2026	
70	NGUYỄN HỮU CHÍ ĐAN	03/09/2008	Nữ	067208005838	12A2	PT-67000605-26 00070	070/TN2026	
71	LỘC TRIỆU QUỐC ĐẠT	01/04/2008	Nam	067208006015	12A8	PT-67000605-26 00071	071/TN2026	
72	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	30/01/2008	Nam	067208003926	12A6	PT-67000605-26 00072	072/TN2026	
73	NGUYỄN QUANG ĐẠT	11/02/2008	Nam	038208002695	12A7	PT-67000605-26 00073	073/TN2026	
74	PHẠM TUẤN ĐẠT	15/06/2007	Nam	038207027219	12A10	PT-67000605-26 00074	074/TN2026	
75	NGUYỄN TIẾN ĐÌNH	29/01/2008	Nam	067208003159	12A2	PT-67000605-26 00075	075/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
76	LA VĂN ĐỒNG	23/07/2008	Nam	067208002995	12A10	PT-67000605-26 00076	076/TN2026	
77	NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	19/06/2008	Nam	067308006584	12A1	PT-67000605-26 00077	077/TN2026	
78	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	20/10/2008	Nữ	037308008924	12A1	PT-67000605-26 00078	078/TN2026	
79	HỒ VIỆT HÀ	04/11/2008	Nữ	066208010424	12A7	PT-67000605-26 00079	079/TN2026	
80	LÊ TRẦN THU HÀ	12/10/2008	Nam	067308005538	12A10	PT-67000605-26 00080	080/TN2026	
81	NGUYỄN THỊ HÀ	06/01/2008	Nữ	067308006276	12A2	PT-67000605-26 00081	081/TN2026	
82	TỪ THỊ NGỌC HÀ	04/06/2008	Nữ	067308004151	12A10	PT-67000605-26 00082	082/TN2026	
83	TRẦN THỊ THANH HÀ	26/03/2008	Nữ	067308000406	12A7	PT-67000605-26 00083	083/TN2026	
84	VŨ NGỌC HÀ	13/04/2008	Nữ	067308004548	12A6	PT-67000605-26 00084	084/TN2026	
85	VŨ THỊ THU HÀ	22/11/2008	Nữ	067308003260	12A9	PT-67000605-26 00085	085/TN2026	
86	LÊ THỊ THANH HẢI	12/01/2008	Nữ	067308006683	12A6	PT-67000605-26 00086	086/TN2026	
87	TRẦN THỊ YẾN HẢI	27/01/2008	Nữ	066308010491	12A5	PT-67000605-26 00087	087/TN2026	
88	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	04/05/2008	Nữ	067308004447	12A7	PT-67000605-26 00088	088/TN2026	
89	PHẠM BÍCH HẰNG	25/12/2008	Nữ	067308005420	12A6	PT-67000605-26 00089	089/TN2026	
90	ĐỖ NGỌC DIỆU HÂN	04/09/2008	Nữ	067308000314	12A2	PT-67000605-26 00090	090/TN2026	
91	BÙI CÔNG HẬU	23/04/2008	Nữ	067208003629	12A2	PT-67000605-26 00091	091/TN2026	
92	NGUYỄN PHÚC HẬU	15/07/2008	Nam	067208000356	12A7	PT-67000605-26 00092	092/TN2026	
93	NGUYỄN THỊ HIỀN	03/09/2007	Nam	067307001734	12A10	PT-67000605-26 00093	093/TN2026	
94	ĐỖ THỊ THANH HIỀN	09/06/2008	Nữ	067308001841	12A1	PT-67000605-26 00094	094/TN2026	
95	ĐỖ THỊ THU HIỀN	14/05/2008	Nữ	067308001697	12A4	PT-67000605-26 00095	095/TN2026	
96	NGUYỄN NGỌC THU HIỀN	27/03/2008	Nữ	067308006720	12A9	PT-67000605-26 00096	096/TN2026	
97	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	08/04/2008	Nữ	079308025996	12A3	PT-67000605-26 00097	097/TN2026	
98	NGUYỄN TẠ TÂN HIẾU	27/04/2008	Nữ	067208004909	12A9	PT-67000605-26 00098	098/TN2026	
99	PHẠM NGUYỄN LONG HIẾU	06/02/2008	Nam	067208007378	12A2	PT-67000605-26 00099	099/TN2026	
100	PHẠM VĂN HIẾU	08/01/2008	Nam	067208005183	12A5	PT-67000605-26 00100	100/TN2026	
101	TRẦN MINH HIẾU	19/01/2008	Nam	067208004329	12A2	PT-67000605-26 00101	101/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
102	TRẦN TRUNG HIẾU	01/01/2008	Nam	067208004146	12A9	PT-67000605-26 00102	102/TN2026	
103	VŨ TRUNG HIẾU	05/08/2008	Nam	067208001823	12A5	PT-67000605-26 00103	103/TN2026	
104	VŨ QUANG HIỆU	01/10/2008	Nam	036208013348	12A8	PT-67000605-26 00104	104/TN2026	
105	VŨ THỊ HOA	12/03/2008	Nam	036308010868	12A5	PT-67000605-26 00105	105/TN2026	
106	VŨ THỊ XUÂN HÒA	07/03/2008	Nữ	067308005530	12A3	PT-67000605-26 00106	106/TN2026	
107	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	08/05/2008	Nữ	067308001179	12A5	PT-67000605-26 00107	107/TN2026	
108	PHẠM THỊ THU HOÀI	02/05/2008	Nữ	067308002424	12A10	PT-67000605-26 00108	108/TN2026	
109	TRẦN THỊ THU HOÀI	11/04/2008	Nữ	067308004879	12A4	PT-67000605-26 00109	109/TN2026	
110	LÊ HOÀNG	15/01/2008	Nữ	067208006881	12A2	PT-67000605-26 00110	110/TN2026	
111	NGUYỄN HUY HOÀNG	01/04/2008	Nam	067208003221	12A2	PT-67000605-26 00111	111/TN2026	
112	VŨ HUY HOÀNG	02/11/2008	Nam	067208000357	12A6	PT-67000605-26 00112	112/TN2026	
113	VŨ HUY HOÀNG	12/10/2008	Nam	067208002977	12A4	PT-67000605-26 00113	113/TN2026	
114	VŨ MẠNH HỒ	23/04/2008	Nam	036208002187	12A4	PT-67000605-26 00114	114/TN2026	
115	HỒ THỊ BÍCH HỒNG	31/01/2008	Nam	067308006628	12A6	PT-67000605-26 00115	115/TN2026	
116	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG	14/12/2008	Nữ	038308012431	12A4	PT-67000605-26 00116	116/TN2026	
117	VŨ THỊ KIM HUỆ	25/03/2008	Nữ	037308001199	12A1	PT-67000605-26 00117	117/TN2026	
118	DƯƠNG KIM HUỆ	01/06/2008	Nữ	067308002985	12A5	PT-67000605-26 00118	118/TN2026	
119	TRỊNH THỊ KIM HUỆ	24/02/2008	Nữ	064308011512	12A6	PT-67000605-26 00119	119/TN2026	
120	ĐOÀN MẠNH HÙNG	13/05/2008	Nữ	037208005675	12A9	PT-67000605-26 00120	120/TN2026	
121	NGUYỄN BẢO HÙNG	11/06/2008	Nam	067208005247	12A9	PT-67000605-26 00121	121/TN2026	
122	NGUYỄN TUẤN HÙNG	25/12/2008	Nam	067208001867	12A7	PT-67000605-26 00122	122/TN2026	
123	ĐINH QUỐC HUY	16/05/2007	Nam	067207005736	12A8	PT-67000605-26 00123	123/TN2026	
124	HOÀNG NHẤT HUY	11/03/2008	Nam	070208005530	12A7	PT-67000605-26 00124	124/TN2026	
125	NGUYỄN QUỐC HUY	14/10/2008	Nam	040208008303	12A9	PT-67000605-26 00125	125/TN2026	
126	NGUYỄN TIỀN HUY	25/08/2008	Nam	067208007363	12A4	PT-67000605-26 00126	126/TN2026	
127	NGUYỄN VĂN HUY	14/02/2008	Nam	067208005892	12A2	PT-67000605-26 00127	127/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
128	NGUYỄN VÕ LƯƠNG HUY	25/10/2008	Nam	067208006052	12A2	PT-67000605-26 00128	128/TN2026	
129	PHAN CHÍ HUY	11/11/2008	Nam	067208003816	12A10	PT-67000605-26 00129	129/TN2026	
130	PHAN KHÁNH HUY	21/03/2008	Nam	067208002286	12A2	PT-67000605-26 00130	130/TN2026	
131	PHAN QUỐC HUY	04/02/2008	Nam	067208005030	12A4	PT-67000605-26 00131	131/TN2026	
132	PHẠM GIA HUY	03/11/2008	Nam	067208006289	12A4	PT-67000605-26 00132	132/TN2026	
133	TRẦN GIA HUY	25/11/2008	Nam	067208000102	12A10	PT-67000605-26 00133	133/TN2026	
134	TRẦN TUẤN HUY	18/05/2008	Nam	036208014734	12A1	PT-67000605-26 00134	134/TN2026	
135	TRỊNH QUỐC HUY	14/04/2008	Nam	067208003349	12A2	PT-67000605-26 00135	135/TN2026	
136	NGUYỄN THỊ MỸ HUỲN	05/06/2008	Nam	067308006084	12A9	PT-67000605-26 00136	136/TN2026	
137	NGUYỄN THỊ THU HUỲN	15/07/2008	Nữ	067308004896	12A4	PT-67000605-26 00137	137/TN2026	
138	PHẠM VŨ NGỌC HUỲN	18/08/2008	Nữ	066308012471	12A10	PT-67000605-26 00138	138/TN2026	
139	TRẦN THỊ KHÁNH HUỲN	27/08/2008	Nữ	036308002203	12A5	PT-67000605-26 00139	139/TN2026	
140	VŨ THỊ KIM HUỲN	01/03/2008	Nữ	036308009774	12A8	PT-67000605-26 00140	140/TN2026	
141	ĐOÀN NGUYỄN HOÀNG HƯNG	27/02/2008	Nữ	067208002943	12A6	PT-67000605-26 00141	141/TN2026	
142	VŨ TRẦN DUY HƯNG	26/07/2008	Nam	067208005823	12A6	PT-67000605-26 00142	142/TN2026	
143	BÙI THỊ THU HƯƠNG	10/03/2008	Nam	067308007586	12A5	PT-67000605-26 00143	143/TN2026	
144	LÊ THỊ MAI HƯƠNG	14/03/2008	Nữ	067308001954	12A4	PT-67000605-26 00144	144/TN2026	
145	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	13/03/2008	Nữ	067308006573	12A7	PT-67000605-26 00145	145/TN2026	
146	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	30/05/2008	Nữ	067308001052	12A7	PT-67000605-26 00146	146/TN2026	
147	NGUYỄN HOÀNG CHÂU KHA	15/10/2008	Nữ	067308003169	12A8	PT-67000605-26 00147	147/TN2026	
148	PHẠM GIA KHAI	07/08/2008	Nữ	067208001607	12A10	PT-67000605-26 00148	148/TN2026	
149	ĐÀO MINH KHANG	10/06/2008	Nam	067208006154	12A9	PT-67000605-26 00149	149/TN2026	
150	HOÀNG NGỌC KHÁNH	02/03/2008	Nam	068208004061	12A4	PT-67000605-26 00150	150/TN2026	
151	LÊ BẢO KHÁNH	08/12/2008	Nam	079308014480	12A8	PT-67000605-26 00151	151/TN2026	
152	LÊ XUÂN KHÁNH	04/08/2008	Nữ	067208000402	12A8	PT-67000605-26 00152	152/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
153	LẠI THỊ VÂN KHÁNH	12/06/2008	Nam	067308006560	12A7	PT-67000605-26 00153	153/TN2026	
154	NGUYỄN LÊ HOÀNG KHÁNH	21/06/2008	Nữ	067208003045	12A9	PT-67000605-26 00154	154/TN2026	
155	TRẦN THỊ VÂN KHÁNH	03/02/2008	Nam	067308002748	12A7	PT-67000605-26 00155	155/TN2026	
156	PHẠM NHƯ KHUÊ	19/04/2008	Nữ	037208003102	12A4	PT-67000605-26 00156	156/TN2026	
157	NGUYỄN THỊ NHẬT KHUYẾN	07/10/2008	Nam	040308016903	12A1	PT-67000605-26 00157	157/TN2026	
158	TRẦN NGUYỄN TUẤN KIẾT	08/09/2008	Nữ	067208008589	12A2	PT-67000605-26 00158	158/TN2026	
159	VŨ VĂN KIỀU	22/06/2008	Nam	038208011089	12A5	PT-67000605-26 00159	159/TN2026	
160	TRINH ĐĂNG KỲ	28/01/2008	Nam	067208003378	12A6	PT-67000605-26 00160	160/TN2026	
161	CAO THỊ XUÂN LAN	06/07/2008	Nam	075308021494	12A8	PT-67000605-26 00161	161/TN2026	
162	LÊ THỊ NGỌC LAN	21/09/2008	Nữ	067308003073	12A2	PT-67000605-26 00162	162/TN2026	
163	VY NGỌC LAN	15/01/2008	Nữ	067308005098	12A7	PT-67000605-26 00163	163/TN2026	
164	ĐOÀN VŨ LÂM	27/03/2008	Nữ	068208008331	12A2	PT-67000605-26 00164	164/TN2026	
165	NGUYỄN HOÀNG GIA LÂM	10/01/2008	Nam	067208005429	12A4	PT-67000605-26 00165	165/TN2026	
166	NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN	19/07/2008	Nam	067308001233	12A1	PT-67000605-26 00166	166/TN2026	
167	TÀ THỊ PHƯƠNG LIÊN	01/01/2008	Nữ	037308000290	12A5	PT-67000605-26 00167	167/TN2026	
168	ĐÀO TRÚC LINH	07/01/2008	Nữ	040308009757	12A5	PT-67000605-26 00168	168/TN2026	
169	HỒ ĐOÀN NGỌC LINH	05/08/2008	Nữ	067308006367	12A10	PT-67000605-26 00169	169/TN2026	
170	HỒ TRẦN GIA LINH	26/09/2008	Nữ	067308004349	12A8	PT-67000605-26 00170	170/TN2026	
171	HẮC THỊ HÀ LINH	14/07/2008	Nữ	067308000098	12A5	PT-67000605-26 00171	171/TN2026	
172	LÂM NGUYỄN THUY LINH	30/07/2008	Nữ	067308001290	12A7	PT-67000605-26 00172	172/TN2026	
173	LÊ THỊ KHÁNH LINH	17/05/2008	Nữ	067308002833	12A6	PT-67000605-26 00173	173/TN2026	
174	LÊ THỊ YẾN LINH	17/01/2008	Nữ	067308002166	12A8	PT-67000605-26 00174	174/TN2026	
175	NGUYỄN DIỆU LINH	01/03/2008	Nữ	036308009470	12A5	PT-67000605-26 00175	175/TN2026	
176	NGUYỄN GIA LINH	20/05/2008	Nữ	096308002523	12A1	PT-67000605-26 00176	176/TN2026	
177	NGUYỄN L Ý NGỌC LINH	24/09/2008	Nữ	067308006005	12A10	PT-67000605-26 00177	177/TN2026	
178	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	26/07/2008	Nữ	067308005754	12A4	PT-67000605-26 00178	178/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
179	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	12/03/2008	Nữ	067308003336	12A6	PT-67000605-26 00179	179/TN2026	
180	TRẦN PHƯƠNG LINH	30/06/2008	Nữ	030308011339	12A1	PT-67000605-26 00180	180/TN2026	
181	TRẦN THỊ MAI LINH	05/11/2008	Nữ	036308008971	12A5	PT-67000605-26 00181	181/TN2026	
182	VŨ PHƯƠNG LINH	03/11/2008	Nữ	067308002983	12A3	PT-67000605-26 00182	182/TN2026	
183	VŨ THỊ HÀ LINH	10/06/2008	Nữ	066308003537	12A4	PT-67000605-26 00183	183/TN2026	
184	TRẦN THỊ LOAN	17/04/2008	Nữ	036308002662	12A8	PT-67000605-26 00184	184/TN2026	
185	LÊ HOÀNG LONG	02/08/2008	Nữ	067208007306	12A1	PT-67000605-26 00185	185/TN2026	
186	NGUYỄN VIỆT BẢO LONG	15/11/2007	Nam	067207007116	12A1	PT-67000605-26 00186	186/TN2026	
187	ĐINH QUÝẾT LỢI	18/02/2008	Nam	067208006711	12A3	PT-67000605-26 00187	187/TN2026	
188	TRẦN THIÊN LUÂN	13/09/2008	Nam	067208006700	12A9	PT-67000605-26 00188	188/TN2026	
189	LÊ THỊ HIỀN LƯƠNG	19/10/2008	Nam	067308003170	12A4	PT-67000605-26 00189	189/TN2026	
190	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	30/10/2008	Nữ	067208001386	12A9	PT-67000605-26 00190	190/TN2026	
191	NGUYỄN THỊ TRÀ LY	17/03/2008	Nam	067308002588	12A3	PT-67000605-26 00191	191/TN2026	
192	PHẠM THỊ KHÁNH LY	09/01/2008	Nữ	067308006217	12A5	PT-67000605-26 00192	192/TN2026	
193	HOÀNG THỊ TUYẾT MAI	30/08/2008	Nữ	068308003493	12A8	PT-67000605-26 00193	193/TN2026	
194	LÊ NGỌC TUYẾT MAI	12/11/2008	Nữ	067308002012	12A2	PT-67000605-26 00194	194/TN2026	
195	ĐẶNG THỊ TRÀ MI	13/09/2008	Nữ	040308025912	12A8	PT-67000605-26 00195	195/TN2026	
196	LÝ PHẠM NHẬT MINH	23/11/2008	Nữ	067208006153	12A9	PT-67000605-26 00196	196/TN2026	
197	NGUYỄN HOÀNG MINH	03/03/2008	Nam	067208002174	12A10	PT-67000605-26 00197	197/TN2026	
198	TRẦN NGỌC MINH	29/08/2008	Nam	067208005887	12A3	PT-67000605-26 00198	198/TN2026	
199	TRẦN VŨ NHẬT MINH	17/06/2008	Nam	067308004815	12A6	PT-67000605-26 00199	199/TN2026	
200	NGUYỄN PHAN THẢO MY	09/09/2008	Nữ	067308002599	12A10	PT-67000605-26 00200	200/TN2026	
201	NGUYỄN THỊ HÀ MY	12/12/2008	Nữ	067308006698	12A6	PT-67000605-26 00201	201/TN2026	
202	PHẠM TRÀ MY	27/07/2008	Nữ	067308006305	12A3	PT-67000605-26 00202	202/TN2026	
203	TÀ THỊ TRÀ MY	05/09/2008	Nữ	067308005775	12A8	PT-67000605-26 00203	203/TN2026	
204	TRẦN THỊ TRÀ MY	09/06/2008	Nữ	067308002619	12A9	PT-67000605-26 00204	204/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
205	Y SONG MY	26/12/2006	Nữ	067306008200	12A5	PT-67000605-26 00205	205/TN2026	
206	ĐỖ NGUYỄN HẢI NAM	07/11/2008	Nữ	067208005769	12A5	PT-67000605-26 00206	206/TN2026	
207	NGUYỄN HẢI NAM	07/05/2008	Nam	001208007965	12A9	PT-67000605-26 00207	207/TN2026	
208	NGUYỄN NGỌC NAM	18/02/2008	Nam	067208007451	12A3	PT-67000605-26 00208	208/TN2026	
209	PHẠM ĐOÀN BẢO NAM	23/10/2008	Nam	067208003355	12A6	PT-67000605-26 00209	209/TN2026	
210	PHẠM NHẬT NAM	06/06/2008	Nam	067208003779	12A4	PT-67000605-26 00210	210/TN2026	
211	QUÁCH THỊ QUỲNH NGÀ	01/06/2008	Nam	017308004149	12A9	PT-67000605-26 00211	211/TN2026	
212	TRẦN THỊ NGUYỆT NGÀ	09/04/2008	Nữ	067308003030	12A1	PT-67000605-26 00212	212/TN2026	
213	TRẦN THỊ THÚY NGÀ	09/06/2008	Nữ	067308002371	12A9	PT-67000605-26 00213	213/TN2026	
214	PHẠM THỊ HOÀNG NGÂN	14/09/2008	Nữ	067308003807	12A7	PT-67000605-26 00214	214/TN2026	
215	THÁI THUY NGÂN	22/02/2008	Nữ	067308004256	12A6	PT-67000605-26 00215	215/TN2026	
216	NGUYỄN TRỌNG NGHĨA	02/09/2008	Nữ	067208000484	12A2	PT-67000605-26 00216	216/TN2026	
217	TRÌNH GIA NGHĨA	01/11/2008	Nam	038208021059	12A4	PT-67000605-26 00217	217/TN2026	
218	VŨ TRUNG NGHĨA	01/11/2008	Nam	067208005963	12A10	PT-67000605-26 00218	218/TN2026	
219	HÀ THỊ ÁNH NGỌC	11/03/2008	Nam	067308006424	12A5	PT-67000605-26 00219	219/TN2026	
220	PHẠM THỊ KIM NGỌC	05/11/2008	Nữ	067308004795	12A2	PT-67000605-26 00220	220/TN2026	
221	PHẠM THỊ NGỌC	11/02/2008	Nữ	037308005809	12A8	PT-67000605-26 00221	221/TN2026	
222	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	04/04/2008	Nữ	067308006198	12A5	PT-67000605-26 00222	222/TN2026	
223	TRƯỜNG BẢO NGỌC	12/08/2008	Nữ	067308000291	12A8	PT-67000605-26 00223	223/TN2026	
224	TRƯỜNG THỊ BÍCH NGỌC	01/04/2008	Nữ	066308003003	12A9	PT-67000605-26 00224	224/TN2026	
225	VŨ BẢO NGỌC	25/05/2008	Nữ	075308003814	12A6	PT-67000605-26 00225	225/TN2026	
226	HỒ VIỆT NGUYỄN	13/12/2008	Nữ	040208026281	12A10	PT-67000605-26 00226	226/TN2026	
227	HOÀNG PHÙNG PHÚC NGUYỄN	12/07/2008	Nam	067208007276	12A3	PT-67000605-26 00227	227/TN2026	
228	LÊ PHÚC NGUYỄN	25/04/2008	Nam	042208010669	12A3	PT-67000605-26 00228	228/TN2026	
229	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	06/12/2008	Nam	067208004816	12A6	PT-67000605-26 00229	229/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
230	TRẦN TRUNG NGUYỄN	13/08/2008	Nam	067208007037	12A7	PT-67000605-26 00230	230/TN2026	
231	VÕ MINH NGUYỄN	11/11/2008	Nam	066208004699	12A8	PT-67000605-26 00231	231/TN2026	
232	VÕ VĂN NGUYỄN	01/07/2008	Nam	068208012427	12A3	PT-67000605-26 00232	232/TN2026	
233	BÙI THỊ THANH NHÀN	30/01/2008	Nam	067308001114	12A10	PT-67000605-26 00233	233/TN2026	
234	PHẠM THỊ THANH NHÀN	12/01/2008	Nữ	067308005005	12A8	PT-67000605-26 00234	234/TN2026	
235	PHẠM THỊ THANH NHÀN	19/07/2008	Nữ	067308002218	12A7	PT-67000605-26 00235	235/TN2026	
236	LẠI HOÀNG NHẬT	30/11/2008	Nữ	067208002803	12A3	PT-67000605-26 00236	236/TN2026	
237	NGUYỄN ĐÌNH ANH NHẬT	01/05/2008	Nam	067208005482	12A2	PT-67000605-26 00237	237/TN2026	
238	NGUYỄN ĐOÀN MINH NHẬT	06/04/2008	Nam	067208003890	12A7	PT-67000605-26 00238	238/TN2026	
239	NGUYỄN VĂN NHẬT	15/04/2008	Nam	067208005985	12A2	PT-67000605-26 00239	239/TN2026	
240	PHAN HOÀNG MINH NHẬT	09/12/2008	Nam	067208001838	12A3	PT-67000605-26 00240	240/TN2026	
241	TRIỆU THỊ SINH NHẬT	12/07/2008	Nam	067308003329	12A2	PT-67000605-26 00241	241/TN2026	
242	ĐÀO QUỲNH NHỊ	18/04/2008	Nữ	067308003653	12A8	PT-67000605-26 00242	242/TN2026	
243	LÊ PHAN YẾN NHỊ	16/08/2008	Nữ	067308004128	12A8	PT-67000605-26 00243	243/TN2026	
244	NGUYỄN THỊ BẢO NHỊ	10/02/2008	Nữ	049308007701	12A5	PT-67000605-26 00244	244/TN2026	
245	PHẠM VŨ YẾN NHỊ	10/02/2008	Nữ	066308016954	12A7	PT-67000605-26 00245	245/TN2026	
246	TRẦN THỊ YẾN NHỊ	15/08/2008	Nữ	068308012140	12A2	PT-67000605-26 00246	246/TN2026	
247	TRƯỜNG THẢO NHỊ	21/08/2007	Nữ	067307002269	TDO	PT-67000605-26 00247	247/TN2026	
248	HOÀNG THỊ NHUNG	19/01/2008	Nữ	067308003677	12A1	PT-67000605-26 00248	248/TN2026	
249	NGUYỄN THỊ NHUNG	22/10/2008	Nữ	067308006096	12A9	PT-67000605-26 00249	249/TN2026	
250	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	26/12/2008	Nữ	067308005750	12A10	PT-67000605-26 00250	250/TN2026	
251	VŨ THỊ THUY NHUNG	29/10/2008	Nữ	067308002390	12A6	PT-67000605-26 00251	251/TN2026	
252	HUYỀN NGUYỄN HÀ NHƯ	25/09/2008	Nữ	067308006983	12A1	PT-67000605-26 00252	252/TN2026	
253	LÊ NGỌC TỎ NHƯ	01/01/2008	Nữ	067308002343	12A6	PT-67000605-26 00253	253/TN2026	
254	LÊ THỊ QUỲNH NHƯ	02/07/2008	Nữ	067308005891	12A7	PT-67000605-26 00254	254/TN2026	
255	PHẠM QUỲNH NHƯ	15/06/2008	Nữ	067308006119	12A7	PT-67000605-26 00255	255/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
256	PHẠM THỊ DIỄM NHƯ	17/11/2008	Nữ	067308004852	12A3	PT-67000605-26 00256	256/TN2026	
257	TRẦN DIỄM NHƯ	23/09/2008	Nữ	067308005482	12A8	PT-67000605-26 00257	257/TN2026	
258	TRẦN THỊ GIA NHƯ	04/11/2008	Nữ	067308001346	12A6	PT-67000605-26 00258	258/TN2026	
259	PHAN THỊ HÀ NI	09/05/2008	Nữ	066308016659	12A4	PT-67000605-26 00259	259/TN2026	
260	PHAN ĐÌNH NÚI	19/07/2008	Nữ	068208000846	12A10	PT-67000605-26 00260	260/TN2026	
261	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	21/05/2008	Nam	067308005839	12A4	PT-67000605-26 00261	261/TN2026	
262	ĐOÀN MINH PHÁT	01/11/2008	Nữ	067208004994	12A1	PT-67000605-26 00262	262/TN2026	
263	HÒ VÂN TÂN PHÁT	08/07/2008	Nam	067208003692	12A3	PT-67000605-26 00263	263/TN2026	
264	NGUYỄN TRỌNG PHÁT	06/04/2008	Nam	067208004611	12A8	PT-67000605-26 00264	264/TN2026	
265	NGUYỄN CÔNG QUỐC PHI	11/08/2008	Nam	067208004954	12A8	PT-67000605-26 00265	265/TN2026	
266	NGUYỄN ĐÌNH PHI	06/02/2008	Nam	067208006051	12A8	PT-67000605-26 00266	266/TN2026	
267	VŨ CHƯỜNG PHI	06/11/2008	Nam	037208010167	12A10	PT-67000605-26 00267	267/TN2026	
268	LÀ HỒNG PHONG	02/11/2008	Nam	067208003928	12A9	PT-67000605-26 00268	268/TN2026	
269	LÊ THANH PHONG	02/02/2008	Nam	067208007192	12A5	PT-67000605-26 00269	269/TN2026	
270	NGUYỄN TRẦN PHONG	16/02/2008	Nam	067208001358	12A7	PT-67000605-26 00270	270/TN2026	
271	TRƯỜNG VINH PHONG	01/08/2007	Nam	058207002860	12A3	PT-67000605-26 00271	271/TN2026	
272	VŨ HỒNG PHONG	26/09/2008	Nam	036208001027	12A9	PT-67000605-26 00272	272/TN2026	
273	ĐỖ BÙI THANH PHÚC	17/01/2008	Nam	051208007001	12A4	PT-67000605-26 00273	273/TN2026	
274	VI VĂN PHÚC	12/10/2008	Nam	067208006251	12A4	PT-67000605-26 00274	274/TN2026	
275	CAO VĂN PHƯỜNG	11/04/2008	Nam	068208010003	12A2	PT-67000605-26 00275	275/TN2026	
276	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	08/06/2008	Nam	037308005476	12A1	PT-67000605-26 00276	276/TN2026	
277	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	02/07/2008	Nữ	034308013918	12A8	PT-67000605-26 00277	277/TN2026	
278	TRẦN TRÚC PHƯƠNG	05/01/2008	Nữ	067308005915	12A4	PT-67000605-26 00278	278/TN2026	
279	VŨ HOÀI PHƯƠNG	13/01/2007	Nữ	067307003538	12A3	PT-67000605-26 00279	279/TN2026	
280	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG	07/10/2008	Nữ	067308001571	12A8	PT-67000605-26 00280	280/TN2026	
281	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	03/02/2008	Nữ	067308005727	12A1	PT-67000605-26 00281	281/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
282	TRIỆU THỊ PHƯỢNG	06/11/2008	Nữ	067308007395	12A6	PT-67000605-26 00282	282/TN2026	
283	TRẦN MINH PHƯỢNG	04/09/2008	Nữ	067308007286	12A1	PT-67000605-26 00283	283/TN2026	
284	VŨ THỊ BÍCH PHƯỢNG	27/07/2008	Nữ	067308004073	12A3	PT-67000605-26 00284	284/TN2026	
285	MAI VĂN QUANG	06/10/2007	Nữ	067207005442	12A1	PT-67000605-26 00285	285/TN2026	
286	NGÔ LÊ NHẬT QUANG	01/05/2008	Nam	044208002759	12A9	PT-67000605-26 00286	286/TN2026	
287	NGUYỄN MINH QUÂN	20/09/2008	Nam	067208001835	12A4	PT-67000605-26 00287	287/TN2026	
288	PHẠM MINH QUÂN	11/09/2008	Nam	008208007392	12A5	PT-67000605-26 00288	288/TN2026	
289	VŨ ANH QUÂN	12/02/2008	Nam	036208010449	12A2	PT-67000605-26 00289	289/TN2026	
290	VŨ MINH QUÂN	07/01/2008	Nam	075208024491	12A3	PT-67000605-26 00290	290/TN2026	
291	BÙI KIẾN QUỐC	02/09/2008	Nam	067208003948	12A3	PT-67000605-26 00291	291/TN2026	
292	PHẠM NGỌC QUỲ	23/11/2008	Nam	056208007269	12A2	PT-67000605-26 00292	292/TN2026	
293	BÙI THỊ BÍCH QUYÊN	18/10/2008	Nam	067308003562	12A3	PT-67000605-26 00293	293/TN2026	
294	BÙI TÚ QUYÊN	31/07/2008	Nữ	067308007457	12A6	PT-67000605-26 00294	294/TN2026	
295	HOÀNG NỮ THUY QUYÊN	18/10/2008	Nữ	040308019405	12A9	PT-67000605-26 00295	295/TN2026	
296	PHẠM HỒNG QUYÊN	20/09/2008	Nữ	067308004663	12A5	PT-67000605-26 00296	296/TN2026	
297	TÀ THỊ LỆ QUYÊN	20/01/2008	Nữ	067308005355	12A3	PT-67000605-26 00297	297/TN2026	
298	VŨ THỊ THỰC QUYÊN	13/09/2008	Nữ	036308002128	12A1	PT-67000605-26 00298	298/TN2026	
299	PHÀN QUỐC QUYÊN	04/07/2008	Nữ	066208000618	12A4	PT-67000605-26 00299	299/TN2026	
300	TRẦN TRỌNG QUYÊN	02/01/2008	Nam	067208005813	12A4	PT-67000605-26 00300	300/TN2026	
301	NGUYỄN VĂN QUYẾT	27/02/2008	Nam	036208003040	12A1	PT-67000605-26 00301	301/TN2026	
302	NGUYỄN ĐÌNH SANG	30/06/2008	Nam	067208004850	12A5	PT-67000605-26 00302	302/TN2026	
303	NGUYỄN THIÊN SANG	10/02/2008	Nam	036208014838	12A8	PT-67000605-26 00303	303/TN2026	
304	CAO THÁI SƠN	06/11/2008	Nam	067208003056	12A7	PT-67000605-26 00304	304/TN2026	
305	PHẠM CAO NGUYỄN SƠN	08/08/2008	Nam	067208006767	12A4	PT-67000605-26 00305	305/TN2026	
306	TRÌNH PHẠM THANH SƠN	30/06/2007	Nam	067207006539	12A1	PT-67000605-26 00306	306/TN2026	
307	ĐÌNH ĐỨC TÀI	25/11/2008	Nam	037208003013	12A1	PT-67000605-26 00307	307/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
308	HÀ CẨM TÀI	06/03/2008	Nam	070208011553	12A1	PT-67000605-26 00308	308/TN2026	
309	PHẠM ĐỨC TÀI	14/05/2008	Nam	067208004440	12A9	PT-67000605-26 00309	309/TN2026	
310	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	15/05/2008	Nam	040308004565	12A5	PT-67000605-26 00310	310/TN2026	
311	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	26/01/2008	Nữ	067308001663	12A2	PT-67000605-26 00311	311/TN2026	
312	PHẠM THỊ TÂM TÂM	01/01/2008	Nữ	067308003405	12A3	PT-67000605-26 00312	312/TN2026	
313	TRẦN NHẬT TÂM	12/08/2008	Nữ	067208001833	12A4	PT-67000605-26 00313	313/TN2026	
314	PHẠM NGỌC TÂN	31/10/2008	Nam	051208007669	12A6	PT-67000605-26 00314	314/TN2026	
315	PHAN LÊ ANH THÀI	14/11/2008	Nam	067208005670	12A2	PT-67000605-26 00315	315/TN2026	
316	PHẠM HOÀNG THÁI	24/04/2008	Nam	067208003523	12A7	PT-67000605-26 00316	316/TN2026	
317	LẠI THỊ THANH	11/06/2008	Nam	068308012941	12A9	PT-67000605-26 00317	317/TN2026	
318	TRẦN THỊ THANH	10/02/2008	Nữ	067308006285	12A8	PT-67000605-26 00318	318/TN2026	
319	NGUYỄN THỊ MỸ THÀNH	27/01/2008	Nữ	067308003756	12A9	PT-67000605-26 00319	319/TN2026	
320	NGUYỄN TIẾN THÀNH	09/03/2008	Nữ	067208001272	12A7	PT-67000605-26 00320	320/TN2026	
321	TRẦN ĐỨC THÀNH	19/11/2008	Nam	067208004033	12A7	PT-67000605-26 00321	321/TN2026	
322	ĐÀO THỊ THU THẢO	07/03/2008	Nam	067308006106	12A5	PT-67000605-26 00322	322/TN2026	
323	NGUYỄN ĐOÀN NGỌC THẢO	19/10/2008	Nữ	067308004844	12A1	PT-67000605-26 00323	323/TN2026	
324	NGUYỄN THỊ BÍCH THẢO	13/08/2008	Nữ	026308001283	12A5	PT-67000605-26 00324	324/TN2026	
325	PHẠM NGUYỄN DẠ THẢO	16/08/2008	Nữ	049308000866	12A7	PT-67000605-26 00325	325/TN2026	
326	PHẠM THỊ THANH THẢO	25/10/2008	Nữ	067308001523	12A6	PT-67000605-26 00326	326/TN2026	
327	TRẦN PHƯƠNG THẢO	24/06/2008	Nữ	067308005601	12A3	PT-67000605-26 00327	327/TN2026	
328	TRẦN THU THẢO	07/02/2008	Nữ	070308006332	12A7	PT-67000605-26 00328	328/TN2026	
329	VŨ THỊ THANH THẢO	01/02/2008	Nữ	067308001435	12A2	PT-67000605-26 00329	329/TN2026	
330	VŨ THỊ THANH THẢO	12/11/2008	Nữ	067308005515	12A5	PT-67000605-26 00330	330/TN2026	
331	VŨ THỊ THANH THẢO	16/01/2008	Nữ	067308007505	12A7	PT-67000605-26 00331	331/TN2026	
332	VŨ THỊ THANH THẢO	21/08/2008	Nữ	067308002275	12A3	PT-67000605-26 00332	332/TN2026	
333	PHẠM THỊ THẨM	30/11/2008	Nữ	067308006925	12A3	PT-67000605-26 00333	333/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
334	TRẦN PHƯƠNG THẮNG	09/03/2008	Nữ	034208009067	12A8	PT-67000605-26 00334	334/TN2026	
335	PHẠM CUNG GIA THIÊN	26/01/2008	Nam	075208018544	12A7	PT-67000605-26 00335	335/TN2026	
336	PHẠM ĐỨC THIÊN	25/03/2008	Nam	036208017841	12A4	PT-67000605-26 00336	336/TN2026	
337	VŨ NGỌC TUẤN THIÊN	04/05/2008	Nam	067208001031	12A2	PT-67000605-26 00337	337/TN2026	
338	VŨ ĐÌNH THIÊN	28/05/2008	Nam	067208006388	12A6	PT-67000605-26 00338	338/TN2026	
339	VŨ XUÂN THIÊN	28/01/2008	Nam	067208007669	12A4	PT-67000605-26 00339	339/TN2026	
340	NGUYỄN VĂN THỌ	12/02/2008	Nam	066208018045	12A6	PT-67000605-26 00340	340/TN2026	
341	TRẦN QUANG THÔNG	19/08/2008	Nam	091208008156	12A4	PT-67000605-26 00341	341/TN2026	
342	TRẦN HỒNG THU	29/08/2007	Nam	067307005447	12A10	PT-67000605-26 00342	342/TN2026	
343	TRỊNH ĐỨC THUẬN	22/05/2008	Nữ	067208002266	12A3	PT-67000605-26 00343	343/TN2026	
344	H' THUY	28/01/2007	Nam	067307000177	12A1	PT-67000605-26 00344	344/TN2026	
345	TRẦN THỊ KIM THUY	31/01/2008	Nữ	067308007192	12A5	PT-67000605-26 00345	345/TN2026	
346	HOÀNG THỊ THUY	17/11/2008	Nữ	067308001504	12A7	PT-67000605-26 00346	346/TN2026	
347	PHẠM THỊ THU THUY	22/11/2008	Nữ	067308001289	12A8	PT-67000605-26 00347	347/TN2026	
348	VŨ THANH THUY	26/06/2008	Nữ	067308001902	12A2	PT-67000605-26 00348	348/TN2026	
349	LÊ THỊ HỒNG THUY	26/04/2008	Nữ	067308005452	12A2	PT-67000605-26 00349	349/TN2026	
350	NGÔ HIẾU THUY	26/02/2008	Nữ	067308006410	12A3	PT-67000605-26 00350	350/TN2026	
351	TRẦN THỊ THU THUY	02/11/2008	Nữ	036308002628	12A2	PT-67000605-26 00351	351/TN2026	
352	ĐOÀN THỊ ANH THU	11/02/2008	Nữ	067308001796	12A8	PT-67000605-26 00352	352/TN2026	
353	HUYỀN ANH THU	18/08/2008	Nữ	067308004695	12A5	PT-67000605-26 00353	353/TN2026	
354	LÂM THỊ MINH THU	06/09/2008	Nữ	067308002764	12A4	PT-67000605-26 00354	354/TN2026	
355	LÊ THỊ MINH THU	10/10/2008	Nữ	067308006821	12A7	PT-67000605-26 00355	355/TN2026	
356	NGUYỄN NGỌC ANH THU	27/08/2008	Nữ	067308004232	12A7	PT-67000605-26 00356	356/TN2026	
357	Y KA THY	02/03/2008	Nữ	067308008284	12A1	PT-67000605-26 00357	357/TN2026	
358	LÊ NGỌC THUY TIÊN	13/10/2008	Nữ	067308005769	12A2	PT-67000605-26 00358	358/TN2026	
359	NGUYỄN THỊ THUY TIÊN	10/01/2008	Nữ	040308002057	12A5	PT-67000605-26 00359	359/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
360	ĐỖ MẠNH TOÀN	26/02/2008	Nữ	067208000293	12A9	PT-67000605-26 00360	360/TN2026	
361	ĐUÔNG THỊ HUỖN TRANG	20/09/2008	Nam	067308004713	12A10	PT-67000605-26 00361	361/TN2026	
362	NGUYỄN NGỌC GIA TRANG	27/11/2008	Nữ	067308006565	12A4	PT-67000605-26 00362	362/TN2026	
363	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	26/12/2008	Nữ	051308012873	12A7	PT-67000605-26 00363	363/TN2026	
364	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	12/02/2008	Nữ	067308002732	12A7	PT-67000605-26 00364	364/TN2026	
365	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	28/08/2008	Nữ	038308010609	12A8	PT-67000605-26 00365	365/TN2026	
366	NGUYỄN THÙY TRANG	02/11/2008	Nữ	067308002814	12A1	PT-67000605-26 00366	366/TN2026	
367	PHẠM THỊ HÀ HUỖN TRANG	07/03/2008	Nữ	067308007646	12A4	PT-67000605-26 00367	367/TN2026	
368	THÁI THỊ THÙY TRANG	25/02/2008	Nữ	042308004129	12A8	PT-67000605-26 00368	368/TN2026	
369	TRẦN THỊ THÙY TRANG	25/07/2008	Nữ	067308003929	12A1	PT-67000605-26 00369	369/TN2026	
370	VŨ THU TRANG	08/04/2008	Nữ	067308003951	12A10	PT-67000605-26 00370	370/TN2026	
371	NGUYỄN THỊ TRÂM	14/07/2008	Nữ	067308004627	12A3	PT-67000605-26 00371	371/TN2026	
372	PHẠM THỊ BẢO TRÂM	01/02/2008	Nữ	067308003694	12A5	PT-67000605-26 00372	372/TN2026	
373	TRẦN LÊ BẢO TRÂM	27/03/2008	Nữ	067308004545	12A2	PT-67000605-26 00373	373/TN2026	
374	KIỆT THỊ BÍCH TRẦN	30/11/2008	Nữ	068308005900	12A3	PT-67000605-26 00374	374/TN2026	
375	VŨ ĐÌNH TRÍ	22/06/2008	Nữ	066208008320	12A2	PT-67000605-26 00375	375/TN2026	
376	ĐỖ NGỌC KIỀU TRINH	01/02/2008	Nam	066308000563	12A2	PT-67000605-26 00376	376/TN2026	
377	ĐINH THỊ PHƯƠNG TRINH	22/02/2008	Nữ	067308006371	12A3	PT-67000605-26 00377	377/TN2026	
378	NGUYỄN TRUNG TRỰC	27/04/2008	Nữ	067208006450	12A6	PT-67000605-26 00378	378/TN2026	
379	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	08/12/2007	Nam	067207005995	TDO	PT-67000605-26 00379	379/TN2026	
380	NGUYỄN TUẤN TÚ	12/03/2008	Nam	067208000247	12A3	PT-67000605-26 00380	380/TN2026	
381	ĐỖ VĂN TUẤN	20/08/2007	Nam	067207002501	12A3	PT-67000605-26 00381	381/TN2026	
382	ĐÀO MINH TUẤN	17/04/2008	Nam	067208005538	12A1	PT-67000605-26 00382	382/TN2026	
383	ĐẶNG QUỐC TUẤN	20/02/2008	Nam	067208005856	12A6	PT-67000605-26 00383	383/TN2026	
384	LÊ HOÀNG TUẤN	16/05/2008	Nam	051208008174	12A3	PT-67000605-26 00384	384/TN2026	
385	LẠI ANH TUẤN	22/06/2008	Nam	067208004657	12A6	PT-67000605-26 00385	385/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
386	MAI HOÀNG ANH TUẤN	08/08/2008	Nam	067208002522	12A8	PT-67000605-26 00386	386/TN2026	
387	NGUYỄN ANH TUẤN	26/05/2007	Nam	068207008309	12A7	PT-67000605-26 00387	387/TN2026	
388	NGUYỄN QUỐC TUẤN	10/04/2008	Nam	067208006725	12A8	PT-67000605-26 00388	388/TN2026	
389	NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT	26/03/2007	Nam	036307002401	12A10	PT-67000605-26 00389	389/TN2026	
390	NGUYỄN MẠNH TƯỜNG	15/02/2008	Nữ	067208004357	12A9	PT-67000605-26 00390	390/TN2026	
391	TRẦN MAI CHÍ TƯỜNG	30/11/2008	Nam	067208004050	12A5	PT-67000605-26 00391	391/TN2026	
392	NGUYỄN KỲ UY	24/06/2007	Nam	031207004642	12A1	PT-67000605-26 00392	392/TN2026	
393	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG UYÊN	17/09/2008	Nam	036308008919	12A7	PT-67000605-26 00393	393/TN2026	
394	LƯU THỊ TỎ UYÊN	23/03/2008	Nữ	040308021266	12A8	PT-67000605-26 00394	394/TN2026	
395	NGUYỄN NGỌC TÚ UYÊN	15/10/2008	Nữ	067308005581	12A3	PT-67000605-26 00395	395/TN2026	
396	NGUYỄN THỊ HẢI VÂN	24/05/2008	Nữ	067308005363	12A6	PT-67000605-26 00396	396/TN2026	
397	NGUYỄN THÚY VÂN	03/02/2008	Nữ	067308001813	12A1	PT-67000605-26 00397	397/TN2026	
398	PHẠM THỊ HẠNH VÂN	07/11/2008	Nữ	067308006318	12A8	PT-67000605-26 00398	398/TN2026	
399	VÂN TRỊNH THANH VÂN	28/04/2008	Nữ	067308007531	12A7	PT-67000605-26 00399	399/TN2026	
400	NGUYỄN THỊ HÀ VI	29/07/2008	Nữ	040308014685	12A7	PT-67000605-26 00400	400/TN2026	
401	NGUYỄN BÙI ĐỨC VIỆT	29/05/2008	Nữ	067208002789	12A10	PT-67000605-26 00401	401/TN2026	
402	VÕ TÁ VINH	20/12/2008	Nam	067208004975	12A6	PT-67000605-26 00402	402/TN2026	
403	NGUYỄN LONG VŨ	03/06/2008	Nam	079208017059	12A4	PT-67000605-26 00403	403/TN2026	
404	NGUYỄN MINH VŨ	05/01/2008	Nam	067208007171	12A9	PT-67000605-26 00404	404/TN2026	
405	HUYỀN MINH VƯƠNG	28/06/2008	Nam	067208005668	12A6	PT-67000605-26 00405	405/TN2026	
406	TRẦN CAO HÙNG VƯƠNG	07/08/2008	Nam	066208005502	12A2	PT-67000605-26 00406	406/TN2026	
407	HOÀNG THẢO VY	14/05/2008	Nam	067308005130	12A8	PT-67000605-26 00407	407/TN2026	
408	LÊ TƯỜNG VY	21/02/2007	Nữ	049307013169	12A1	PT-67000605-26 00408	408/TN2026	
409	NGUYỄN THỊ THẢO VY	03/08/2008	Nữ	034308005363	12A7	PT-67000605-26 00409	409/TN2026	
410	NGUYỄN THẢO VY	02/10/2008	Nữ	067308001927	12A4	PT-67000605-26 00410	410/TN2026	
411	PHẠM THỊ HÀ VY	10/01/2008	Nữ	067308005322	12A6	PT-67000605-26 00411	411/TN2026	

STT	Họ, chữ đệm và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Lớp	Số hiệu bảng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Ghi chú
412	VŨ THỊ HÀ VY	20/05/2008	Nữ	067308002132	12A4	PT-67000605-26 00412	412/TN2026	
413	TRẦN LƯƠNG CHÍ VỸ	27/11/2008	Nữ	067208006555	12A6	PT-67000605-26 00413	413/TN2026	
414	NGÔ HỒNG XUÂN	01/08/2008	Nam	067308004476	12A1	PT-67000605-26 00414	414/TN2026	
415	LÊ THỊ Y	15/02/2008	Nữ	042308002366	12A5	PT-67000605-26 00415	415/TN2026	
416	LÊ HẢI YẾN	25/05/2008	Nữ	068308002170	12A1	PT-67000605-26 00416	416/TN2026	
417	LẠI THỊ YẾN	10/12/2008	Nữ	036308000802	12A8	PT-67000605-26 00417	417/TN2026	
418	LƯƠNG THỊ HẢI YẾN	10/06/2008	Nữ	067308001150	12A3	PT-67000605-26 00418	418/TN2026	
419	VÕ THỊ HẢI YẾN	18/12/2008	Nữ	067308003018	12A7	PT-67000605-26 00419	419/TN2026	
420	VŨ HẢI YẾN	29/04/2008	Nữ	067308001701	12A4	PT-67000605-26 00420	420/TN2026	

Danh sách này gồm 420 học sinh